

Số: /KH-UBND

Thuận Nam, ngày tháng 9 năm 2022

KẾ HOẠCH
Triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2022
trên địa bàn huyện Thuận Nam

Thực hiện Kế hoạch số 3609/KH-BĐHCĐS ngày 18/8/2022 của Ban Điều hành chuyển đổi số tỉnh Ninh Thuận về việc triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

Ủy ban nhân dân huyện xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn huyện Thuận Nam (sau đây viết tắt là Kế hoạch), cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH VÀ YÊU CẦU

1. Mục đích

Phát huy vai trò trong việc tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện trong việc chỉ đạo triển khai thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 6526/KH-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận về phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng năm 2022. Phấn đấu cải thiện chỉ số thành phần hiện đại hóa nền hành chính trong chỉ số cải cách hành chính tỉnh và chỉ số chuyển đổi số huyện Thuận Nam.

2. Yêu cầu

a) Thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch số 6526/KH-UBND ngày 30/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận, Kế hoạch số 01/KH-BCĐCĐS ngày 12/7/2021 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số, Nghị quyết, Đề án Chuyển đổi số của tỉnh phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, bất cập từ thực tiễn.

b) Tăng cường vai trò, trách nhiệm chủ trì, phối hợp địa phương trong triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Kế hoạch số 6526/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh, nhất là đối với các nhiệm vụ truyền thông nâng cao nhận thức về chuyển đổi số, xây dựng hoàn thiện môi trường pháp lý, triển khai các dự án đảm bảo chất lượng, hiệu quả và đúng tiến độ.

II. MỤC TIÊU CỤ THỂ

1. Phát triển hạ tầng số

- Tỷ lệ dân số trên 15 tuổi có điện thoại thông minh đạt 85%;
- Tỷ lệ hộ gia đình có đường Internet cáp quang băng rộng đạt 75%.

2. Phát triển chính quyền số

a) Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến phát sinh hồ sơ đạt 40% đối với cấp huyện và 20% đối với cấp xã;

b) Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến đạt 40%;

c) Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC đạt 100%;

d) 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (*trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

đ) Tỷ lệ báo cáo của các cơ quan hành chính nhà nước thực hiện trực tuyến đạt 50% (*trừ các báo cáo thuộc phạm vi bí mật nhà nước*);

e) Tỷ lệ cơ quan nhà nước cung cấp dữ liệu mở đầy đủ theo danh mục đạt 50% (*không áp dụng đối với dữ liệu mật, tuyệt mật và dữ liệu phục vụ công tác quân sự, quốc phòng*).

3. Phát triển kinh tế số và xã hội số

a) Tỷ lệ doanh nghiệp nhỏ và vừa sử dụng nền tảng số đạt 30%;

b) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử đạt 100%;

c) Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng hợp đồng điện tử đạt 40%;

d) Tỷ lệ người dân từ đủ 15 tuổi trở lên số có tài khoản giao dịch tại ngân hàng hoặc các tổ chức được phép khác đạt từ 65 – 70%.

III. NỘI DUNG NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy

a) Quảng bá, truyền thông sâu rộng đến người dân, doanh nghiệp về chuyên đổi số. Đảm bảo cho người dân và doanh nghiệp trên địa bàn huyện được nhận thức sâu sắc hơn về thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

b) Tổ chức các hội thảo, hội nghị, các chuyên đề tập huấn kiến thức cơ bản về chuyển đổi số và nâng cao kiến thức, nghiệp vụ quản lý nhà nước trên nền tảng chuyển đổi số cho các cấp lãnh đạo từ cấp huyện đến cấp xã.

c) Tổ chức các khóa đào tạo, giới thiệu kiến thức cơ bản về chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; các khóa chuyên sâu và nâng cao về kiến thức chuyển đổi số, phương thức tạo lập, hình thành các hệ thống thông tin trong chuyển đổi số.

d) Xây dựng các chuyên mục thông tin, tuyên truyền về kế hoạch chuyển đổi số trên phương tiện truyền thông của huyện.

2. Hoàn thiện quy chế, quy định pháp lý

a) Cụ thể hóa các văn bản của Chính phủ, Bộ, ngành về ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi cho việc đẩy mạnh ứng dụng và phát triển Chính quyền điện tử/Chính quyền số.

b) Triển khai các chính sách nhằm hỗ trợ cán bộ làm công tác công nghệ thông tin của huyện.

3. Phát triển hạ tầng số

a) Tiếp tục thực hiện đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin trong các cơ quan nhà nước; đảm bảo kết nối an toàn các mạng LAN với mạng internet bằng thông rộng và mạng truyền số liệu chuyên dùng của tỉnh; triển khai mạng truyền số liệu chuyên dùng cho các cơ quan nhà nước theo Quyết định số 287/QĐ-UBND ngày 01/10/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận.

b) Tiếp tục nâng cấp hạ tầng thực hiện các ứng dụng công nghệ thông tin, dịch vụ dùng chung của tỉnh,

c) Tiếp tục đẩy mạnh việc triển khai, kết nối sử dụng hệ thống mạng WAN tốc độ cao trong các cơ quan nhà nước.

d) Triển khai đăng ký chữ ký số cho các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện.

4. Phát triển các nền tảng, hệ thống

Lựa chọn các nền tảng số và triển khai các nền tảng số quốc gia để phục vụ công tác chuyển đổi số, phát triển chính phủ số, kinh tế số, xã hội số trên địa bàn huyện.

5. Phát triển dữ liệu

a) Ứng dụng có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu ngành như ngành giáo dục, công thương, ...

b) Khai thác sử dụng Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức theo Kế hoạch của Bộ Nội vụ.

c) Ứng dụng khai thác hiệu quả CSDL quản lý cơ sở sản xuất thức ăn chăn nuôi, quản lý cơ sở chăn nuôi, mã số vùng trồng theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn để từng bước hình thành Nền tảng dữ liệu số nông nghiệp.

d) Kết nối, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư theo Quyết định số 1911/QĐ-TTg ngày 15/11/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa CSDL quốc gia về dân cư với CSDL quốc gia và CSDL chuyên ngành.

6. Phát triển các ứng dụng, dịch vụ

a) Phát triển các ứng dụng, dịch vụ phục vụ hoạt động nội bộ các cơ quan nhà nước

- Xây dựng, triển khai hệ thống thông tin phục vụ họp và xử lý công việc không giấy tờ trên địa bàn của huyện.

- Tiếp tục triển khai tổ chức họp bằng hình thức trực tuyến qua hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ huyện đến xã.

b) Phát triển ứng dụng, dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Thúc đẩy chuyển đổi số doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện. Mục tiêu đến hết năm 2022 đạt tối thiểu 30% doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn huyện được sử dụng các tài liệu hướng dẫn, công cụ tự đánh giá mức độ sẵn sàng chuyển đổi số, hỗ trợ đào tạo, tư vấn, thuê, mua các giải pháp chuyển đổi số.

- Tiếp tục thực hiện giải quyết thủ tục hành chính qua cổng dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin một cửa điện tử cấp huyện, cấp xã; triển khai kết nối, chia sẻ dữ liệu với hệ thống dữ liệu dân cư quốc gia trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Phổ cập hồ sơ sức khỏe điện tử toàn dân: Thúc đẩy triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử cho người dân. Mục tiêu đến hết năm 2022 sẽ có trên 40% người dân trên địa bàn huyện có Hồ sơ sức khỏe điện tử, được sử dụng trong hoạt động khám chữa bệnh và theo dõi sức khỏe người dân, từng bước thay thế y bạ giấy.

d) Phổ cập hóa đơn điện tử: Thúc đẩy việc sử dụng hóa đơn điện tử, gắn với phát triển kinh tế số, phổ cập chữ ký số. Mục tiêu đến hết năm 2022 đạt tỷ lệ 100% doanh nghiệp sử dụng hóa đơn điện tử.

đ) Thúc đẩy toàn diện tất cả các phương thức thanh toán số: Thúc đẩy triển khai thanh toán số, thanh toán không dùng tiền mặt. Mục tiêu thanh toán không dùng tiền mặt đối với các dịch vụ công đến hết năm 2022: Từ 40% các cơ sở khám, chữa bệnh trên địa bàn huyện chấp nhận dịch vụ thanh toán y tế bằng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt.

7. Bảo đảm an toàn thông tin

a) Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 417/KH-UBND ngày 27/01/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Đề án “Tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức về an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025” theo Quyết định số 1907/QĐ-TTg ngày 23/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 21/QĐ-TTg ngày 06/01/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực an toàn thông tin giai đoạn 2021-2025”.

b) Hoàn thành xác định cấp độ và tổ chức triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ. Thường xuyên rà soát, cập nhật để đáp ứng yêu cầu thực tiễn và quy định về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

c) Duy trì và phát triển hoạt động bảo đảm an toàn thông tin theo mô hình 4 lớp (Kiện toàn lực lượng tại chỗ; Lựa chọn tối thiểu một tổ chức, doanh nghiệp giám sát, bảo vệ chuyên nghiệp; Định kỳ thực hiện kiểm tra, đánh giá độc lập; Kết nối, chia sẻ thông tin với hệ thống giám sát quốc gia) theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng, mức độ giám sát và bảo vệ cho 100% hệ thống thông tin của cơ quan. Áp dụng hệ thống quản lý an toàn thông tin mạng theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật (nhất là TCVN 11930:2017) vào hoạt động của cơ quan.

d) Thường xuyên rà soát, cập nhật, phê duyệt cấp độ an toàn hệ thống thông tin và triển khai phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ.

đ) Rà soát hiện trạng, tăng cường đầu tư trang thiết bị và thuê dịch vụ

chuyên nghiệp nhằm nâng cao năng lực bảo đảm an toàn thông tin, phòng chống mã độc theo mô hình tập trung, ưu tiên cho các hệ thống cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân, doanh nghiệp, hệ thống trung tâm dữ liệu và thiết bị đầu cuối.

e) Thực hiện kiểm tra, đánh giá (về kỹ thuật) an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin.

g) Định kỳ, đột xuất thực hiện kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin theo quy định của pháp luật.

h) Xây dựng và triển khai kế hoạch dự phòng, sao lưu dữ liệu, bảo đảm hoạt động liên tục của cơ quan, tổ chức; sẵn sàng khôi phục hoạt động bình thường của hệ thống sau khi gặp sự cố mất an toàn thông tin mạng.

i) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức đào tạo hoặc cử nhân sự chuyên trách/phụ trách về an toàn thông tin/công nghệ thông tin tham gia các khóa đào tạo về quản lý, kỹ thuật về an toàn thông tin.

k) Xây dựng và triển khai kế hoạch tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho các cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân.

l) Triển khai Quyết định số 830/QĐ-TTg ngày 01/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chương trình “Bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng giai đoạn 2021 - 2025”: Tăng cường tổ chức, tham gia các hoạt động liên quan đến bảo vệ và hỗ trợ trẻ em tương tác lành mạnh, sáng tạo trên môi trường mạng; nâng cao nhận thức và từng bước trang bị kỹ năng số cho trẻ em trên địa bàn, tổ chức các lớp dạy kiến thức, kỹ năng cho cha mẹ và trẻ em ngoài trường học trên địa bàn có nhận thức và kỹ năng cơ bản tự bảo vệ mình trên môi trường mạng.

m) Giám sát, phát hiện và công bố hành vi vi phạm quy định pháp luật của Việt Nam trên các nền tảng số thuộc phạm vi quản lý; giám sát, phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm, kịp thời hoặc phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền xử lý tin giả, thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng thuộc phạm vi quản lý.

8. Phát triển nguồn nhân lực

a) Bố trí cán bộ, công chức hỗ trợ việc ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin có đủ năng lực và trình độ cho các cơ quan, đơn vị còn thiếu cán bộ công nghệ thông tin nhằm bảo đảm việc tham mưu triển khai các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh đồng bộ và hiệu quả.

b) Giới thiệu cán bộ, công chức tham gia đào tạo các kiến thức, kỹ năng để quản trị, điều hành các hệ thống thông tin (hạ tầng, ứng dụng, an ninh, an toàn thông tin...) cho các cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại các đơn vị.

c) Thực hiện đào tạo, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số cho lãnh đạo các cơ quan chuyên môn trực thuộc và UBND các xã.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Phòng, ban, đơn vị thuộc huyện và Ủy ban nhân dân các xã nghiêm túc quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 74-KH/HU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy và Kế hoạch này để tạo sự thống nhất cao, đồng thuận trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và Nhân dân trên địa bàn huyện; có kế hoạch triển khai phù hợp với tình hình thực tiễn của đơn vị, địa phương.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao chủ trì chủ động tham mưu xây dựng kế hoạch, phương án và triển khai tổ chức thực hiện đảm bảo tiến độ, chất lượng, hiệu quả, khả thi, đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế địa phương; định kỳ hàng năm có báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các nội dung có liên quan gửi về UBND huyện (*qua Phòng Văn hóa và Thông tin*) để tổng hợp báo cáo Lãnh đạo Ủy ban ban dân huyện.

3. Phòng Văn hóa và Thông tin

Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban liên quan và UBND các xã thường xuyên kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm tổng hợp báo cáo đánh giá kết quả thực hiện và đề xuất các nội dung có liên quan báo cáo Ủy ban ban dân huyện theo quy định.

4. Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh huyện

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 29/11/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Kế hoạch số 74-KH/HU ngày 29/12/2021 của Ban Thường vụ Huyện ủy và Kế hoạch này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, người lao động, doanh nghiệp và Nhân dân qua các bản tin tuyên truyền trên hệ thống đài truyền thanh cơ sở, các xe truyền thông lưu động để tạo sự đồng thuận và tích cực hưởng ứng chuyển đổi số của mọi tầng lớp Nhân dân trên địa bàn huyện.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện chuyển đổi số năm 2022 trên địa bàn huyện Thuận Nam. Yêu cầu các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
 - Sở Thông tin và Truyền thông;
 - TT. Huyện ủy, TT. HĐND huyện;
 - Các cơ quan, đơn vị thuộc huyện;
 - Mặt trận và các đoàn thể huyện,
 - UBND các xã;
 - Lưu: VT.
- } (báo cáo)

CHỦ TỊCH

Trương Xuân Vỹ